

Số: M /BC-NSSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả nội kiểm chất lượng nước tháng 2

Kính gửi:

- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH-MTV;
- Phòng Quản lý Chất lượng nước-Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH-MTV.

Căn cứ:

- Thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y Tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn gửi báo cáo đến Tổng công ty, Phòng Quản lý Chất lượng nước với những nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước:** Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn
- Địa chỉ:** 2A1 Lê Văn Chí, P. Linh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh
- Công suất thiết kế:**
 - Trạm bơm nước thô: công suất 315.000m³/ngày đêm;
 - Khu xử lý nước: 300.000 m³/ngày đêm.
- Nguồn nước nguyên liệu:** Nước sông Đồng Nai
- Thời gian kiểm tra:**

STT	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
01	Kiểm tra online	Kiểm tra định kỳ, thường xuyên tại nhà máy
02	Kiểm định kỳ hàng tuần	Công ty TNHH Sắc ký Hải Đăng (Kết quả (Bản chính) đã gửi hàng tuần cho phòng Quản lý Chất lượng nước)

- Người kiểm tra/đơn vị kiểm tra:** Kiểm tra tại nhà máy (Ban Hoá nghiệm nhà máy nước, Kiểm tra online), Kiểm tra định kỳ (Công ty Sắc ký Hải Đăng).
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước thực hiện nội kiểm:**

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày lấy mẫu
01	Nước thô, tại ngăn thu nước thô trạm Hoá An, Đồng Nai	03/02/2026
02	Nước sạch- Tại vòi lấy mẫu nước phòng hoá nghiệm	03/02/2026
03	Nước sạch- Tại vòi lấy mẫu nước phòng hoá nghiệm	10/02/2026
04	Nước sạch- Tại vòi lấy mẫu nước phòng hoá nghiệm	11/02/2026
05	Nước sạch- Tại vòi lấy mẫu nước phòng hoá nghiệm	24/02/2026

II. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Tên hồ sơ	Lưu trữ		Hình thức lưu (giấy,file...)	Ghi chú
		Có	Không		
01	Kết quả thử nghiệm nước định kỳ/ đột xuất	x		Hồ sơ kết quả SKHD (file giấy)	
02	Kết quả thử nghiệm nước sạch định kỳ/ đột xuất	x		Hồ sơ kết quả SKHD, Sổ lưu mẫu (file giấy)	
03	Hồ sơ hoá chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch	x		Hồ sơ hoá chất (file giấy)	
04	Sổ theo dõi lưu mẫu nước	x		Sổ theo dõi lưu mẫu nước (file giấy)	
05	Các hồ sơ khắc phục sự cố liên quan chất lượng nước sạch	x		Lưu HS file giấy	
06	Công bố chất lượng nước sạch	x		Hồ sơ nội kiểm (file giấy)	
07	Hồ sơ Cấp nước an toàn	x		Cuốn cấp nước an toàn (file giấy)	

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Kết quả Nước thô tại trạm Hoà An, Đồng Nai ngày 03/02/2026;
 - Kết quả nước sạch tại vòi lấy mẫu nước ngày 03/02/2026;
 - Kết quả nước sạch tại vòi lấy mẫu nước ngày 10/02/2026;
 - Kết quả nước sạch tại vòi lấy mẫu nước ngày 11/02/2026;
 - Kết quả nước sạch tại vòi lấy mẫu nước ngày 24/02/2026;
- (Đính kèm các kết quả thử nghiệm)*

IV. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

- Không có.

V. ĐỀ NGHỊ

- Không có. ✓

Nơi nhân:

- Như trên;
- P.KHKT, NMN (02bản);
- Lưu *hu*



TRẦN ĐỖ BẢO QUẾ



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn

Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Khu phố 16, Phường Linh Xuân

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2602030004-MT

Mã số mẫu : 743-2026-00029483

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :

NT030226.01

Tên mẫu :

Mẫu nước thô tại ngăn thu nước thô trạm Hoá An, Đồng Nai

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu :

03/02/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/02/2026

Thời gian thử nghiệm :

03/02/2026 - 25/02/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VDM44 EXT	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	TCVN 6053:2021	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
2	VDM54 EXT	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	TCVN 6219:2021	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
3	VZ0FB VZ	4,4'-DDT	$\mu\text{g/l}$	US EPA 3510C; US EPA 3620C; US EPA 8270E	Không phát hiện (LOD=0.005)	1
4	VZ0EY VZ	Aldrin	$\mu\text{g/l}$	US EPA 3510C; US EPA 3620C; US EPA 8270E	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.1
5	VD5CL EXT	Amoni (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2023	0.55	0.3
6	VD5C4 EXT	Arsen (As)	mg/l	SMEWW 3114C:2023	0.0013	0.01
7	VZ0CH VZ	Benzene	mg/l	S EPA 5021A; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
8	VZ0WT EXT	DEHP (bis-2-ethylhexyl phthalate)	mg/l	US EPA 506; US EPA 525.2	Không phát hiện (LOD=0.002)	0.008
9	VD5BX EXT	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2021	2.7	4
10	VD5C8 EXT	Cadimi (Cd)	mg/l	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.005
11	VD5C3 EXT	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	SMEWW 5540B&C:2023	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.1
12	VD5C6 EXT	Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0.0040	0.02
13	VZ0PC VZ	Chloroform (CHCl ₃)	mg/l	S EPA 5021A; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.08
14	VD5CU EXT	1,2 Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	mg/l	US EPA 5021A; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.03
15	VD5CT EXT	Clorua	mg/l	SMEWW 4500-Cl-.B:2023	40.2	250
16	VD5CP EXT	Coliforms	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B:2023	1.0x10 ¹	1000
17	VD5C2 EXT	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	SMEWW 3500- Cr.B:2023	Không phát hiện (LOD=0.003)	0.01
18	VD5CI EXT	Tetrachloroethylene PCE (C ₂ Cl ₄)	mg/l	S EPA 5021A; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00029483

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
19	VZ0F0 VZ	Dieldrin	µg/ l	US EPA 3510C; US EPA 3620C; US EPA 8270E	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.1
20	VD5BW EXT	Hexachlorobenzen	µg/ l	US EPA 3510C; US EPA 3620C; US EPA 8270E	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.04
21	VD5CB EXT	Đồng (Cu)	mg/ l	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.1
22	VZ04G VZ	E.Coli	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B&F:2023	1.3x10 ¹	20
23	VD5CK EXT	Florua	mg/ l	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	0.10	1
24	VZ0CX EXT	Formaldehyde	mg/ l	US EPA 5030; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.0005)	0.5
25	VZ0EZ VZ	Heptaclo epoxit	µg/ l	US EPA 3510C; US EPA 3620C; US EPA 8270E	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.2
26	VD5CC EXT	Kẽm (Zn)	mg/ l	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.5
27	VZ0FD VZ	Lindane (gamma-HCH)	µg/ l	US EPA 3510C; US EPA 3620C; US EPA 8270E	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.02
28	VD5CE EXT	Mangan (Mn)	mg/ l	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.1
29	VZ0QW EXT	Methylene Chloride	mg/ l	S EPA 5021A; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.02
30	VD5BT EXT	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/ l	SMEWW 4500-NO2 - .B:2023	0.029	0.05
31	VD5BY EXT	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/ l	SMEWW 5220C:2023	5.8	10
32	VD5CD EXT	Niken (Ni)	mg/ l	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện (LOD=0.003)	0.1
33	VZ006 VZ	DO	mg/ l	TCVN 7325:2016	5.3	≥ 6
34	VD5BU EXT	pH		TCVN 6492:2011	7.1	6.5-8.5
35	VD5CF EXT	Sắt (Fe)	mg/ l	SMEWW 3111B:2023	0.99	0.5
36	VD5CJ EXT	Carbon tetrachloride) (CCl ₄)	mg/ l	S EPA 5021A; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.004
37	VD5BV EXT	Antimon (Sb)	mg/ l	SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.02
38	VD5C5 EXT	Thủy ngân (Hg)	mg/ l	SMEWW 3112B:2023	0.00045	0.001
39	VDVYU EXT	TOC	mg/ l	SMEWW 5310C:2023	1.2	4
40	VD5BZ EXT	Tổng chất lơ lửng (TSS)	mg/ l	SMEWW 2540D:2023	25.9	25
41	VD5CA EXT	Tổng Crom	mg/ l	SMEWW 3111B:2023	0.014	0.05
42	VD5CH EXT	Tổng dầu mỡ	mg/ l	SMEWW 5520B:2023	1.3	5
43	VZ00T VZ	1,4-Dioxane (C ₄ H ₈ O ₂)	mg/ l	S EPA 5030; US EPA 8260D	Không phát hiện (LOD=0.003)	0.05



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00029483

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
44	VD5CM EXT Tổng Nitơ	mg/ l	SMEWW 4500-N.C:2023SMEWW 4500-NO3-.E:2023	3	0.6
45	VD5CG EXT Tổng phenol	mg/ l	SMEWW 5530B&C:2023	0.061	0.005
46	VD5CN EXT Tổng Photpho	mg/ l	SMEWW 4500-P.B&E:2023	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
47	VD5C1 EXT Xyanua (CN ⁻)	mg/ l	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	0.0012	0.01
48	VD5CS EXT PCBs (1)	mg/ l	US EPA Method 3510C; US EPA Method 3630C; US EPA Method 8270D	Không phát hiện (LOD=0.05)	0.0005
49	VD5CR EXT Hóa chất BVTV phospho hữu cơ (2)	µg/ l	US EPA Method 3510C; US EPA Method 8141B; US EPA method 3620C	Không phát hiện (LOD=0.05)	0.5

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm được so sánh với Giới hạn do khách hàng cung cấp.

(1) PCBs

- PCB₂₈
- PCB₅₂
- PCB₁₀₁
- PCB₁₃₈
- PCB₁₅₃

(2) Hóa chất BVTV phospho hữu cơ

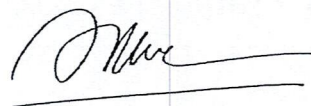
- Azinphos methyl
- Azinphos ethyl
- Bromophos methyl
- Bromophos ethyl
- Chlorpyrifos methyl
- Chlorpyrifos ethyl
- Chlorfenvinfos
- Dimethoate
- Diazinon
- Disulfoton
- Ethion
- Fenthion
- Malathion
- Parathion methyl
- Parathion ethyl

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 10/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/03/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.



AR-26-VD-038219-01 / EUVNHC-00404288- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn

Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Khu phố 16, Phường Linh Xuân

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2602030004-MT

Mã số mẫu : 743-2026-00029482

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :

NS030226.01

Tên mẫu :

Nước sạch, tại vòi lấy mẫu nước sạch phòng hoá nghiệm lần 1

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu :

03/02/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 10/02/2026

Thời gian thử nghiệm :

03/02/2026 - 11/02/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
2	VD1NC VD (a) Coliforms	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
3	VD840 VD (a) Clo dư	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2023	0.52	0.4-0.6
4	VD911 VD (a) Arsen (As)	mg/ l	SMEWW 3125B:2023; SMEWW 3030E:2023	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
5	VD144 VD (a) Độ màu	TCU	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD=4)	15
6	VD239 VD (a) pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	7.94	7.5-8.5
7	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/ l	US EPA Method 300.1	19.1	250
8	VD237 VD (a) Chỉ số permanganat	mg/ l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Phát hiện vết(<0.6)	2
9	VD307 VD Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0.21	1
10	VD1R0 VD (a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/ l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
11	VD56G VD (m) Mùi		EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref. SMEWW 2150B:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm được so sánh với Giới hạn do khách hàng cung cấp.

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

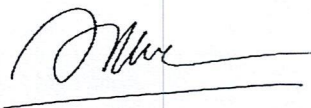
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/02/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/02/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-y-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



AR-26-VD-041493-01 / EUVNHC-00406174- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn

Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Khu phố 16, Phường Linh Xuân

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2602100015-MT

Mã số mẫu : 743-2026-00035802

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :

NS100226.01

Tên mẫu :

Nước sạch, tại vòi lấy mẫu nước sạch phòng hoá nghiệm lần 1

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu :

10/02/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/02/2026

Thời gian thử nghiệm :

10/02/2026 - 24/02/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
2	VD1NC VD (a) Coliforms	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
3	VD840 VD (a) Clo dư	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2023	0.52	0.4-0.6
4	VD144 VD (a) Độ màu	TCU	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD=4)	15
5	VD239 VD (a) pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	7.94	7.5-8.5
6	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/ l	US EPA Method 300.1	11.8	250
7	VD237 VD (a) Chỉ số permanganat	mg/ l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
8	VD307 VD Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0.21	1
9	VD1R0 VD (a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/ l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
10	VD56G VD (m) Mùi		EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref. SMEWW 2150B:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm được so sánh với Giới hạn do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/02/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 27/02/2026.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



AR-26-VD-052640-01 / EUVNHC-00406488- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn

Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Khu phố 16, Phường Linh Xuân

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2602110019-MT

Mã số mẫu : 743-2026-00036738

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :

NS110226.01

Tên mẫu :

Nước sạch, tại vòi lấy mẫu nước sạch phòng hoá nghiệm lần 1

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu :

11/02/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 02/03/2026

Thời gian thử nghiệm :

23/02/2026 - 10/03/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
2	VD1NC VD (a) Coliforms	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
3	VD840 VD (a) Clo dư	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2023	0.53	0.4-0.6
4	VD144 VD (a) Độ màu	TCU	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD=4)	15
5	VD239 VD (a) pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	7.70	7.5-8.5
6	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/ l	US EPA Method 300.1	8.78	250
7	VD237 VD (a) Chỉ số permanganat	mg/ l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
8	VD307 VD (a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0.13	1
9	VD1R0 VD (a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/ l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
10	VD56G VD (m) Mùi		EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref. SMEWW 2150B:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm được so sánh với Giới hạn do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 10/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/03/2026.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



AR-26-VD-044333-01 / EUVNHC-00407182- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn

Số 2A1, Đường Lê Văn Chí, Khu phố 16, Phường Linh Xuân

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2602240021-MT

Mã số mẫu : 743-2026-00038726

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :

NS240226.01

Tên mẫu :

Nước sạch, tại vòi lấy mẫu nước sạch phòng hoá nghiệm lần 1

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu :

24/02/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 02/03/2026

Thời gian thử nghiệm :

24/02/2026 - 28/02/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
2	VD1NC VD (a) Coliforms	cfu/ 100 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	<1
3	VD840 VD (a) Clo dư	mg/ l	SMEWW 4500 Cl B:2023	0.49	0.4-0.6
4	VD144 VD (a) Độ màu	TCU	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD=4)	15
5	VD239 VD (a) pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	7.91	7.5-8.5
6	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/ l	US EPA Method 300.1	12.2	250
7	VD237 VD (a) Chỉ số permanganat	mg/ l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
8	VD307 VD (a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0.22	1
9	VD1R0 VD (a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/ l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
10	VD56G VD (m) Mùi		EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref. SMEWW 2150B:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm được so sánh với Giới hạn do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 05/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 05/03/2026.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.